

Lợi ích kinh tế là cái có ích, cái có lợi về mặt kinh tế. Lợi ích kinh tế là một phạm trù kinh tế biểu hiện tính khách quan trong hoạt động kinh tế của con người tức biểu hiện quan hệ sản xuất. Vì vậy các quan hệ kinh tế của mỗi xã hội được biểu hiện trước hết là lợi ích.

Vấn đề lợi ích kinh tế và các vai trò của nó trong quá trình sản xuất xã hội đã được Marx phân tích một cách khoa học trong các tác phẩm của mình. Trong cuốn "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" và đặc biệt trong bộ "Tư bản" Marx đã nghiên cứu một cách cặn kẽ và khoa học chỉ ra tính không điều hòa về lợi ích kinh tế giữa nhà tư bản và lao động làm thuê, giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản. Trong các tác phẩm của mình, V.I. Lênin tiếp tục nghiên cứu cụ thể vấn đề lợi ích kinh tế trong thời đại đế quốc chủ nghĩa và thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Thực tiễn cho thấy Lợi ích kinh tế là động lực cơ bản và then chốt thúc đẩy hoạt động của con người cho sự phát triển kinh tế - xã hội; qui định động cơ, mục đích, tính hiệu quả trong hoạt động sản xuất của mỗi con người và của cả xã hội loài người, là một khâu không thể thiếu được trong cơ chế vận dụng qui luật kinh tế.

Xét về bản chất, thì tính chất và đặc điểm của lợi ích kinh tế phụ thuộc vào tính chất và đặc điểm của QHSX, phụ thuộc trình độ phát triển của LLSX, và không tách rời với hệ thống các lợi ích chính trị, xã hội... và các động lực khác như động lực tinh thần, động lực đạo đức... song động lực kinh tế là động lực cơ bản. Tính chất và đặc điểm của hệ thống các lợi ích kinh tế ở Việt Nam là tính thống nhất và tính mâu thuẫn.

Cơ cấu hệ thống các lợi ích kinh tế xét theo cơ cấu nhiều thành phần kinh tế ở Việt Nam hiện nay thì có các loại lợi ích kinh tế sau:

Lợi ích kinh tế của nhà nước; Lợi ích kinh tế của kinh tế tư bản Nhà nước; Lợi ích kinh tế trong kinh tế tư nhân; Lợi ích kinh tế tập thể; Lợi ích cá nhân người lao động; Lợi ích cá nhân người sản xuất kinh doanh.

Sự nhất trí giữa các lợi ích kinh tế không thể tự phát nảy sinh mà phải có sự tác động của chủ thể quản lý. Vì vậy, trong lãnh đạo và quản lý kinh tế cần

và có thể kết hợp chặt chẽ các lợi ích kinh tế nhằm vun xới và phát huy đầy đủ động lực cơ bản của nền sản xuất xã hội. Điều đó có nghĩa là:

Cơ chế quản lý kinh tế phải được lựa chọn và áp dụng trong thực tiễn các hình thức kinh tế thích hợp thể hiện cho được mối quan hệ giữa các lợi ích kinh tế sao cho phù hợp với vị trí, vai trò và bản chất của từng loại lợi ích. Bất kỳ mọi sự sai lệch nào đều có nguy hại, làm cho sản xuất bị kìm hãm hoặc bị tê liệt.

* Việc kết hợp các lợi ích kinh tế và làm cho chúng được thực hiện về kinh tế phải thông qua một hệ thống các đòn bẩy kinh tế như: giá cả, thuế, tiền lương, lợi nhuận và quyền tự do, tự chủ kinh doanh. Đó là vì chúng là những hình thức thực hiện về kinh tế không chỉ của một lợi ích riêng rẽ mà của cả một hệ thống các lợi ích - lợi ích

thể cũng không được thực hiện. Đi theo với quá trình đổi mới, cơ chế quản lý kinh tế mới của ta đã nhận thức và giải quyết theo phương hướng đúng đắn và thích nghi với cơ chế thị trường, mối quan hệ giữa các lợi ích kinh tế trong xã hội phù hợp với vị trí, vai trò và bản chất của chúng. Đó là lợi ích kinh tế của nhà nước đóng vai trò chủ đạo, lợi ích kinh tế của người sản xuất kinh doanh và cá nhân người lao động là động lực trực tiếp, then chốt và quyết định vì trên cơ sở đó làm cho lợi ích nhà nước và tập thể được thực hiện, lợi ích tập thể doanh nghiệp là đòn bẩy quan trọng phải được coi trọng trong quản lý kinh tế.

Hai là chúng ta đã có quan điểm và phương pháp đúng đắn trong việc kết hợp và giải quyết mâu thuẫn giữa các lợi ích kinh tế trong nền sản xuất xã hội, cụ thể là càng nhấn mạnh lợi ích xã hội và tập thể bao nhiêu càng phải coi trọng lợi ích của người lao động, của người sản xuất kinh doanh bấy nhiêu. Chúng ta đã nhận thức đúng đắn rằng mục tiêu và động lực chính của sự phát triển là vì con người, do con người, trước hết là người lao động, đã lấy việc phát huy nguồn lực con người làm yếu tố cơ bản cho sự phát triển bền vững. Cho nên đi đôi với tăng trưởng kinh tế đã quan tâm đến việc cải thiện đời sống người lao động, thực hiện tiến bộ công bằng xã hội.

Lợi ích người sản xuất kinh doanh cũng được đặc biệt quan

tâm thông qua việc ban hành và sửa đổi các luật như: Luật đầu tư nước ngoài, Luật khuyến khích đầu tư trong nước, Luật doanh nghiệp nhằm đảm bảo ngày càng tốt hơn quyền tự chủ, tự do kinh doanh theo pháp luật. Lợi ích của khách hàng cũng luôn được đặt lên vị trí quan trọng như Luật bảo vệ người tiêu dùng, nâng cao chất lượng sản phẩm, cải tiến các hoạt động có liên quan đến người tiêu dùng.

Ba là, để biết khéo kết hợp các lợi ích kinh tế và làm cho các lợi ích được thực hiện về mặt kinh tế, chúng ta đã biết sử dụng đúng hướng và ngày càng tốt hơn một hệ thống các hình thức kinh tế cụ thể của quan hệ hàng hóa, tiền tệ như giá cả, thuế, tiền lương, lợi nhuận... Những hình thức kinh tế cụ thể này vừa là hình thức biểu hiện của một số qui luật vừa là hình thức sử

NHỮNG MÂU THUẪN VÀ CƠ CHẾ THỰC HIỆN HỆ THỐNG CÁC LỢI ÍCH KINH TẾ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

BÙI THU HÀ

kinh tế của nhà nước, lợi ích kinh tế của tập thể, lợi ích kinh tế của cá nhân người sản xuất kinh doanh và cá nhân người lao động trong cơ cấu kinh tế nhiều thành phần theo định hướng XHCN ở Việt Nam.

I. NHỮNG NHẬN XÉT RÚT RA TỪ VIỆC THỰC HIỆN HỆ THỐNG CÁC LỢI ÍCH KINH TẾ NHỮNG NĂM QUA

Sự thực hiện các lợi ích kinh tế trong nền kinh tế Việt Nam được chia làm hai giai đoạn: từ năm 1989 trở về trước và từ năm 1989 trở lại đây. có thể rút ra kết luận sau đây

1. Những thành tựu chung

Một là trong cơ chế quản lý, tập trung, quan liêu bao cấp, chúng ta đã đề cao quá mức lợi ích xã hội và tập thể, coi quá nhẹ lợi ích của người lao động nên đã làm cho động lực thúc đẩy sản xuất kinh doanh bị suy yếu. Kết quả là lợi ích kinh tế của nhà nước và của tập

dụng qui luật nhằm tạo ra một động lực thúc đẩy sản xuất phát triển.

Bốn là, trong điều kiện nền kinh tế hàng hóa đa thành phần, đa lợi ích theo định hướng XHCN, chúng ta đã quán triệt nguyên tắc phân phối "thống nhất trong sự đa dạng", tức thực hiện nhiều hình thức phân phối. Trong đó phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế là chủ yếu, đồng thời phân phối dựa trên mức đóng góp các nguồn lực khác vào kết quả sản xuất kinh doanh (vốn, tài sản...) và phân phối thông qua phúc lợi xã hội đi đối với chính sách điều tiết thu nhập hợp lý của nhà nước. Nhờ đó, các lợi ích kinh tế thuộc các thành phần kinh tế khác nhau so với thời kỳ trước đã được coi trọng thỏa đáng hơn trước.

Cuối cùng là đã tạo một động lực tổng hợp thúc đẩy kinh tế tăng trưởng và phát triển trong hơn một thập niên với kết quả như sau :

- Lạm phát giảm từ mức độ siêu lạm phát xuống một con số và tiếp tục được kiểm soát. Việt Nam đạt được tốc độ tăng trưởng cao, ổn định.

Bảng 1:

Tăng trưởng và lạm phát. (1991 - 1998)

	Tăng trưởng GDP	Lạm phát
1991	6,0	67,5
1992	8,6	17,5
1993	8,1	5,2
1994	8,8	14,4
1995	9,5	12,7
1996	9,3	4,5
1997	8,8	4,5
1998	5,8	3,8

Nền tài chính - tiền tệ của đất nước đã được cải thiện. Tỷ lệ thuế và phí được huy động vào ngân sách so với GDP tăng liên tục từ 62% của năm 1990 lên 79% (1993), 92,5% năm 1994 và 96,70% năm 1995. Nền kinh tế của Việt nam đã có nội lực, đầu tư tăng gấp 3 lần từ 11,6% của GDP năm 1989 đến 28% của GDP năm 1996, tích lũy trong nước tăng 5 lần từ 3% lên đến 17% của GDP (nguồn: Ngân hàng thế giới)

Thu nhập đầu người tăng lên 5% mỗi năm. Đời sống nhân dân nói chung, người lao động nói riêng được cải thiện nhiều mặt so với trước : đến năm 1995, tuổi thọ trung bình của người Việt Nam là 65,5 tuổi tăng được 0,67 tuổi so với 1990, chỉ số phát triển giáo dục: 0,79, chỉ số thu nhập 0,17. Tính chung chỉ số phát triển người (HDI) là 0,539 đứng thứ 121/174 nước. (51)

2. Những mâu thuẫn nảy sinh trong quá trình thực hiện hệ thống các lợi ích kinh tế những năm qua

Cơ chế thực hiện hệ thống lợi ích kinh tế những năm qua đã được thể

hiện thông qua các hình thức kinh tế cụ thể như thuế, giá, quyền tự chủ, lương, lợi nhuận... đã từng bước được điều chỉnh, nhất là từ năm 1990 đến nay. Song cơ chế thực hiện vẫn còn nhiều vướng mắc, còn bất cập. Do đó lợi ích kinh tế các thành phần vẫn chưa được đảm bảo, chưa tạo ra động lực mạnh mẽ cho quá trình huy động nội và ngoại lực cho phát triển kinh tế. Có thể nêu ra những mâu thuẫn nổi bật sau :

Thứ 1: Các lợi ích trong hệ thống lợi ích trong nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần có nơi, có lúc, có khuynh hướng phát triển ngược chiều nhau làm suy yếu, triệt tiêu động lực phát triển kinh tế. Hiện nay có tình trạng ngân sách thì thất thu thuế, các doanh nghiệp nhà nước nợ thuế nhà nước quá nhiều. Theo báo cáo của Ngân hàng Công thương Việt Nam, số nợ khó đòi năm 1998 là : 6.700 tỷ VNĐ. Ngược lại việc thực hiện thuế GTGT đã làm cho hiệu quả của DN giảm sút, thậm chí thua lỗ nặng. Tình trạng chưa giải quyết thỏa đáng kịp thời tiền lương thực tế để bảo đảm tái sản xuất mở rộng sức lao động, tình trạng chiếm dụng vốn của nhau giữa các doanh nghiệp đã trở ngại rất nhiều đến việc lành mạnh hóa tài chính của doanh nghiệp, cải cách DNNN.... Đó là những biểu hiện cụ thể của mâu thuẫn giữa các doanh nghiệp với nhau. Nếu không giải quyết kịp thời để cho trở thành gay gắt sẽ có hại cho nền sản xuất xã hội.

Thứ 2: Mâu thuẫn giữa hiệu quả kinh tế - xã hội cuối cùng của quá trình tái sản xuất xã hội với hiệu quả của từng khâu, từng ngành, từng quá trình tái sản xuất cá biệt chưa có sự gắn liền, nhất trí với nhau trong cơ chế thực hiện hệ thống các lợi ích kinh tế. Biểu hiện cụ thể là xét từng khâu, từng doanh nghiệp thì có lãi, song toàn ngành toàn cục thì không có hiệu quả ; có hiện tượng chỉ vun vén cho xí nghiệp mình làm thiệt hại lợi ích kinh tế của xã hội....

Thứ 3: Mâu thuẫn nảy sinh trong quá trình sử dụng các hình thức kinh tế cụ thể tức các đòn bẩy kinh tế, để thực hiện lợi ích kinh tế chưa đảm bảo tính hệ thống, tính đồng bộ. Do đó chúng chưa thực sự tạo ra sức mạnh tổng hợp, mà ngược lại có lúc chúng hạn chế nhau, triệt tiêu một phần tác dụng của chúng. Ví dụ một mặt chủ trương mở rộng hơn nữa quyền tự chủ, tự do kinh doanh theo pháp luật. Nhưng mặt khác việc đăng ký kinh doanh tư nhân còn công kênh, phức tạp hơn nhiều so với thủ tục đăng ký HTX, cơ cấu thuế nhập khẩu hiện nay có đặc thù là mức bảo hộ hữu hiệu cao, các qui định về thuế chưa bảo đảm tính minh bạch ... đã làm nản lòng các nhà đầu tư, các nhà sản xuất kinh doanh.

Thứ 4: Mâu thuẫn giữa việc thực hiện lợi ích về mặt kinh tế với việc

nâng cao giá trị tinh thần và đạo đức cho người lao động, cho các nhà sản xuất kinh doanh và người tiêu dùng do bởi chưa kết hợp chặt chẽ nguyên tắc khuyến khích lợi ích vật chất với giáo dục chính trị tư tưởng. Cho nên đã có hiện tượng chưa thường xuyên khơi dậy, nâng cao nhiệt tình cách mạng, đề cao trách nhiệm làm tròn nghĩa vụ đối với đất nước, chưa nghiêm chỉnh thực thi pháp luật, kỷ luật lao động. Cần nhận rõ rằng các tiêu chuẩn đạo đức cũng là biểu hiện của các quan hệ lợi ích kinh tế

Thứ 5: Mâu thuẫn giữa tính linh hoạt, tính lịch sử của các hình thức kinh tế để thực hiện lợi ích kinh tế đi theo với quá trình xã hội hóa sản xuất với sự chậm thay đổi, thích ứng của các chủ thể quản lý đối với cơ chế thực hiện lợi ích kinh tế do bởi trình độ nhận thức, khả năng quản lý còn hạn chế.

Cần phải tập trung sức giải quyết những mâu thuẫn trên thông qua một hệ thống đòn bẩy kinh tế, một hệ thống biện pháp (kinh tế, hành chính, giáo dục) một hệ thống tổ chức và một cơ chế thích hợp để biết khéo kết hợp các lợi ích kinh tế với nhau nhằm tạo ra một động lực mạnh mẽ thúc đẩy kinh tế tăng trưởng và phát triển bền vững.

II. PHƯƠNG HƯỚNG HOÀN THIỆN CƠ CHẾ THỰC HIỆN HỆ THỐNG LỢI ÍCH KINH TẾ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

a. Mục tiêu của cơ chế thực hiện hệ thống các lợi ích kinh tế

Thứ 1 : là tạo ra động lực cơ bản của nền sản xuất xã hội nhằm thực hiện dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Thứ 2 : phải kết hợp hài hòa và thể hiện cho được mối quan hệ giữa các lợi ích kinh tế trong hệ thống phù hợp với bản chất, vị trí và vai trò của chúng.

Thứ 3 : Cơ chế thực hiện các lợi ích kinh tế phải dựa trên cơ sở nhận thức vận dụng các quy luật khách quan.

b. Phương hướng hoàn thiện cơ chế thực hiện hệ thống các lợi ích kinh tế

Thứ 1 : Đổi mới chính sách tiền lương cho người lao động :

Trên cơ sở nhận thức lại về tiền lương, có phương pháp luận đúng về tiền lương, cần xây dựng phương án cải cách tiền lương đến năm 2010. Rồi từ tương lai quay trở về hiện tại chia ra từng bước đi để thực hiện nội dung của nghị quyết trung ương lần thứ 7 khóa VIII về tiền lương, trợ cấp xã hội thuộc ngân sách nhà nước : thực hiện bù đủ trượt giá vào lương, tiền tệ hóa tiền lương, trả lương đúng tức bảo đảm giá trị thực của tiền lương và từng bước cải thiện theo sự phát triển của kinh tế - xã hội.

Chính sách tiền lương phải quán triệt quan điểm : tiền lương phải được

đặt trong tổng thể quá trình phân phối và phân phối lại thu nhập quốc dân theo các định hướng của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2010 và phù hợp với cơ chế kinh tế thị trường theo định hướng XHCN.

- Cải cách chính sách tiền lương là nhằm mục đích thực hiện đầu tư cho phát triển, phát huy nguồn lực con người cho sự phát triển nhanh và bền vững: do con người, vì con người và cho con người.

- Lấy hiệu quả kinh tế - xã hội làm tiêu chuẩn cơ bản để xác định phương án cải cách tiền lương: nâng cao năng suất lao động và hiệu suất công tác tự do hóa lao động, tận dụng phát huy tiềm năng của mọi tầng lớp nhân dân trong sản xuất kinh doanh tạo thêm nhiều việc làm cho người lao động, bảo vệ nguồn lao động đang làm việc v.v.

- Cải cách tiền lương muốn tiến hành được tốt phải dựa trên các điều kiện tiền đề sau: cải cách tiền lương phải gắn liền với cải cách hành chính, sắp xếp và tinh giản bộ máy tổ chức, biên chế trong các cơ quan, phải tách biệt tiền lương trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh và tiền lương trong lĩnh vực hành chính sự nghiệp, tách dần một số bộ phận trong ngành giáo dục, y tế, thể dục, thể thao văn hóa ra khỏi khu vực ngân sách nhà nước bằng việc đẩy mạnh công tác xã hội hóa, cải cách tiền lương phải gắn liền với việc thực hiện các chính sách xã hội khác như quỹ phúc lợi, bảo hiểm xã hội, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe v.v..

Thứ 2: Đảm bảo quyền tự chủ, tự do kinh doanh cho các chủ thể sản xuất kinh doanh hàng hóa bao gồm: Tách biệt công tác quản lý nhà nước với công tác chủ sở hữu nhà nước; cải tiến và hoàn thiện các chính sách kinh tế vĩ mô đảm bảo quyền tự chủ tự do kinh doanh theo pháp luật của các chủ thể thị trường thuộc các thành phần kinh tế khác nhau bao gồm:

Một là: Tiếp tục hoàn thiện chính sách tài chính, tín dụng:

- Cần đổi mới chính sách tài chính tín dụng theo hướng sau:

- Cần đảm bảo sự bình đẳng thực sự trong quan hệ tín dụng ngân hàng trên cơ sở hiệu quả kinh doanh của các chủ thể không phụ thuộc vào hình thức sở hữu.

- Mở rộng hình thức cung cấp vốn trung hạn, dài hạn cho các doanh nghiệp ngoài quốc doanh, doanh nghiệp vừa và nhỏ như hình thức tín dụng thuê mua, thị trường vốn trung và dài hạn.

- Thành lập quỹ hỗ trợ tự phát triển doanh nghiệp ngoài quốc doanh với sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế, nguồn tín dụng của các ngân hàng. Đây là công cụ chính sách quan trọng để thúc đẩy các doanh nghiệp ngoài quốc

doanh vừa và nhỏ phát triển, cạnh tranh bình đẳng.

- Thực hiện lãi suất ưu đãi cho những doanh nghiệp kinh doanh, coi trọng hiệu quả, sản xuất sản phẩm mới, nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ mới.

Hai là: Về chính sách thương mại:

Để phát huy khả năng và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp ngoài quốc doanh, doanh nghiệp vừa và nhỏ và phát triển ổn định đúng hướng, Nhà nước cần phải:

- Xoá bỏ hạn ngạch đối với những mặt hàng mà nhà nước không cần quản lý và thay thuế bằng thuế nhập khẩu

- Có chính sách ưu đãi hợp lý đối với các doanh nghiệp phải nhập thiết bị máy móc phục vụ sản xuất kinh doanh.

Đẩy mạnh việc tự do hóa thương mại bằng cách loại bỏ dần các hàng rào hành chính phi thuế quan,

Đẩy mạnh các biện pháp hỗ trợ xuất khẩu như: đảm bảo thị trường xuất khẩu, cấp tín dụng làm hàng xuất khẩu, mở rộng việc bảo lãnh và các dịch vụ bảo hiểm xuất khẩu v.v..

Ba là: Về chính sách chuyển giao công nghệ, hỗ trợ kỹ thuật, thông tin thị trường.

- Các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp quốc doanh vừa và nhỏ, cần nhiều thông tin, công nghệ bạn hàng, đối tác kinh doanh.

- Cần xúc tiến thành lập trung tâm hỗ trợ chuyển giao công nghệ cho doanh nghiệp vừa và nhỏ để cung cấp (miễn phí hoặc với giá ưu đãi) các thông tin về thị trường, công nghệ... thông qua các ngân hàng dữ liệu.

- Tăng thời hạn được xét miễn, giảm thuế cho các dự án đổi mới công nghệ.

- Phát triển các hiệp hội doanh nghiệp, các tổ chức xúc tiến thương mại, tăng cường vai trò của phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam để họ giúp các doanh nghiệp tổ chức chương trình marketing giới thiệu sản phẩm của mình trên thị trường.

Bốn là: Về chính sách đất đai:

Để tạo điều kiện huy động năng lực sản xuất kinh doanh, nhà nước cần giải quyết vấn đề đất đai mặt bằng sản xuất.

- Mở rộng quyền giao đất, cấp đất cho chính quyền địa phương, tỉnh, thành.

- Có chính sách ưu đãi trong sử dụng đất đai đối với những doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động, áp dụng nhiều công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới.

- Thực hiện chính sách cho thuê đất bình đẳng đối với tất cả các thành phần kinh tế.

- Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp ngoài quốc doanh tham gia các dự án xây dựng cơ sở hạ

tầng được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách.

Thứ 3: Tiếp tục hoàn thiện luật thuế trên cơ sở đảm bảo hệ thống các lợi ích kinh tế

Một là, tăng nhu cầu ngân sách nhà nước và tốc độ tăng phải cao hơn tốc độ tăng trưởng của kinh tế.

Hai là, thuế phải tính minh bạch rõ ràng với cơ cấu thuế suất đơn giản, mức thuế suất vừa phải, mỗi sắc thuế chỉ nên tập trung vào một hay mục tiêu chủ yếu (chứ không nên như trước đây đối với loại hàng hóa, dịch vụ thì điều tiết cao hay hạn chế tiêu dùng thì vừa đánh thuế doanh thu, lại đánh thuế tiêu dùng đặc biệt và nếu là hàng nhập khẩu còn phải nộp thuế nhập khẩu nữa). Làm như vậy các chủ thể sản xuất kinh doanh hàng hoá dễ chấp nhận nộp thuế, việc quản lý thu nộp thuế đơn giản ít tốn kém, tránh được nhiều tiêu cực. Lợi ích kinh tế nhà nước và lợi ích người sản xuất kinh doanh đều được bảo đảm.

Ba là, chính sách thuế phải bảo đảm tính công bằng. Sự biểu hiện lợi ích kinh tế trong chính sách thuế thể hiện ở chỗ công bằng. Có nhiều quan niệm khác nhau về công bằng: Công bằng xét theo bề ngang, tức là người có mức thu nhập (hay tài sản) ngang nhau, thì phải chịu mức thuế thu nhập đó từ tiền lương lãi do đầu tư hay trúng xổ số. Công bằng xét theo chiều dọc tức là những đối tượng có thu nhập cao hơn có khả năng nộp thuế nhiều hơn, thì bắt phải nộp một mức thuế cao tương ứng

Bốn là, cần có chính sách thuế bình đẳng giữa các thành phần kinh tế, cả doanh nghiệp trong nước và các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Nếu giữa các doanh nghiệp có sự khác nhau về điều kiện thuận lợi trong sản xuất kinh doanh thì cần có sự phân biệt về mức thuế phải nộp. Nếu có ưu đãi đối với các doanh nghiệp có vốn đầu từ nước ngoài thì cũng nên thực hiện đối với cả doanh nghiệp trong nước. Như vậy mới khuyến khích mạnh mẽ việc đầu tư phát triển, và do đó nguồn thu ngân sách mới tăng lên.

Tăng cường công tác quản lý thuế để đảm bảo lợi ích kinh tế của Nhà nước.

Quản lý thuế là một vấn đề rất quan trọng, thậm chí quyết định thành công hay thất bại của chính sách thuế. Để khắc phục tình trạng yếu kém của việc quản lý thuế, cần thực hiện những biện pháp sau:

Thứ nhất, nên áp dụng việc tự đánh giá thuế không chính thức. Theo cơ chế này, tất cả các doanh nghiệp tự điền vào bản khai nộp thuế của mình. Cơ chế này có tác dụng phụ tốt là giảm bớt những cuộc tiếp xúc trực tiếp giữa người phải nộp thuế và cán bộ thuế.

Thứ hai, việc quản lý thuế nên đi vào hướng chuyên môn hóa, tách việc

thực hiện 3 chức năng đánh giá mức thuế phải nộp, thu thuế và kiểm toán các đối tượng nộp thuế do ba bộ phận độc lập khác nhau đảm nhiệm.

Thứ ba, không ngừng đào tạo bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ và phẩm chất đạo đức của cán bộ thuế, làm cho cán bộ thuế hiểu rằng cần phải "liêm chính", nó là một cái "phao" giúp cho người cán bộ thuế không bị chìm trong biển cả mê mông của thuế.

Thứ 4: Hoàn thiện cơ chế, chính sách giá cả hàng hóa trên cơ sở đảm bảo lợi ích kinh tế cho người tiêu dùng, người sản xuất kinh doanh và cho toàn xã hội.

Giá cả là phạm trù kinh tế tổng hợp biểu hiện nhiều mối quan hệ kinh tế lớn trong xã hội. Giá cả biểu hiện quan hệ lợi ích giữa người sản xuất kinh doanh với lợi ích giữa người bán với người mua là người tiêu dùng, giữa nhà nước với các tầng lớp nhân dân trong xã hội.

Chính sách và cơ chế quản lý giá của nhà nước phải hướng vào việc phát huy mặt tích cực của kinh tế thị trường và hạn chế mặt tiêu cực của nó. Mục tiêu cụ thể từ nay đến năm 2010 là :

i) Kiểm chế lạm phát ở mức một con số bảo đảm giá cả thị trường bình ổn, thực hiện một chính sách tài chính - tiền tệ tổng hợp thiên về mở rộng để tạo cơ sở cho kinh tế tăng trưởng và phát triển nhanh, bền vững nhằm thực hiện mục tiêu chiến lược của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đến năm 2020.

ii) Bảo đảm đầy đủ quyền tự chủ, tự do kinh doanh theo pháp luật của các chủ thể thị trường, trước hết là quyền tự chủ về giá của họ, đi đôi với việc tăng cường vai trò quản lý của nhà nước về giá. Cơ chế quản lý giá của nhà nước được hoàn thiện bằng pháp luật theo hướng khuyến khích cạnh tranh, hạn chế và kiểm soát độc quyền giá cả, bảo vệ sản xuất và tiêu dùng.

iii) Cơ chế và chính sách giá phải bảo đảm thúc đẩy việc dịch chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tiến bộ, cơ cấu công nghiệp nông nghiệp và dịch vụ hiện đại, hạn chế đến mức thấp nhất sự phân hóa giàu nghèo, góp phần thực hiện tốt các chính sách xã hội vì con người, tạo ra sự hòa nhập giữa giá thị trường trong nước với giá quốc tế.

Sự can thiệp điều chỉnh và kiểm soát của nhà nước đối với giá cả chủ yếu bằng hình thức gián tiếp thông qua sự tác động vào quan hệ cung cầu chứ không phải chủ yếu bằng biện pháp hành chính. Nhà nước cần và phải điều hòa tổng cung và tổng cầu trên thị trường, trước hết là những hàng hóa thiết yếu chiến lược, xây dựng quỹ dự trữ quốc gia, quỹ bảo trợ giá... đủ mức cần thiết, thực hiện kiểm soát lượng dự trữ hàng hóa và tồn kho v.v....

Thứ 5: Đa dạng hóa các hình thức phân phối trong việc thực hiện lợi ích kinh tế

Bản thân hệ thống đa lợi ích của nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần đã đòi hỏi phải có nhiều hình thức kinh tế cụ thể để thực hiện các lợi ích kinh tế. Hơn nữa các thành phần kinh tế lại không tồn tại biệt lập mà đan xen nhau, nên các hình thức phân phối cũng vừa đa dạng vừa đan xen nhau. Không thể nói rằng lợi ích của cá nhân người lao động chỉ được thực hiện thông qua hình thức phân phối theo lao động tiền lương. Hiện nay có người vừa là người lao động làm công ăn lương, vừa là cổ đông góp vốn cổ phần, có người lại còn đầu tư vốn, sức lực làm kinh tế gia đình nữa. Do vậy đối với từng chủ thể kinh tế nhất định, cần phải sử dụng nhiều hình thức phân phối đa dạng thích hợp và những hình thức này phải uyển chuyển có sự thay đổi kịp thời đi theo sự phát triển của sản xuất.

- Đối với cá nhân người lao động hình thức thực hiện lợi ích của họ, như trên phân tích, được thực hiện thông qua quyền làm chủ về kinh tế, phân phối theo lao động dưới hình thức tiền lương là chủ yếu. Song không phải chỉ có thế còn phải coi trọng hình thức phân phối ngoài thù lao lao động thông qua quỹ phúc lợi xã hội và phát triển kinh tế gia đình.

- Đối với lợi ích của doanh nghiệp thuộc các thành phần khác nhau trong nước và ngoài nước, ngoài hình thức thuế, quyền tự chủ, tự do kinh doanh theo pháp luật, còn phải nói tới lợi nhuận và việc phân phối lợi nhuận.

- Đối với lợi ích của nhà nước, còn phải đề cập đến nền tài chính công, đến việc phân phối tài chính thông qua ngân sách nhà nước. Nó là quan hệ phân phối có tính tổng hợp cả về kinh tế, chính trị, xã hội nhất định.

Thứ 6 : Tích cực tạo thêm nhiều việc làm cho người lao động

Để giải quyết lao động việc làm ở nước ta có những giải pháp sau :

Một là : phát triển kinh tế, việc tạo ra công ăn việc làm ở bất kỳ giai đoạn phát triển nào đều tùy thuộc chủ yếu vào mức tăng trưởng cao và bền vững của nền kinh tế. Vì vậy, phát triển kinh tế trên cơ sở tận dụng tiềm năng tự nhiên và nguồn nhân lực dồi dào phải được coi là giải pháp cơ bản nhất, được tập trung ưu tiên nhất để trực tiếp tạo ra việc làm ở qui mô lớn, chúng ta cần kiểm soát chặt chẽ hơn các thông tin của thị trường sức lao động, đưa chỉ tiêu tạo chỗ làm việc mới, giảm tỷ lệ thất nghiệp vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội hàng năm và 5 năm của từng ngành, từng địa phương. Ở mỗi cấp phải kiểm soát được chỉ số tăng, giảm về lao động - việc làm gắn phát triển kinh tế với thu hút lao

động, cải thiện điều kiện làm việc và đời sống cho người lao động.

Hai là : Đẩy mạnh xuất khẩu lao động : nghị quyết đại hội VIII của Đảng ta khẳng định " mở rộng kinh tế đối ngoại, đẩy mạnh xuất khẩu lao động. "Xuất khẩu lao động không chỉ trực tiếp tạo việc làm mà góp phần tạo nguồn thu ngoại tệ đáng kể cho đất nước, đầu tư trở lại cho nền kinh tế quốc dân, tạo mở việc làm trong nước. Do đó chúng ta sẽ phấn đấu năm 2000 đưa đi khoảng 150.000 lao động làm việc ở các nước, và sau năm 2000 con số này tăng lên 200.000 hoặc 250.000 hàng năm, để thường xuyên có khoảng 400.000 - 500.000 lao động Việt Nam làm việc ở nước ngoài

Ba là : các hoạt động hỗ trợ tạo việc làm, có thể coi đây là các hoạt động mang tính chất bù đắp nhằm trực tiếp trợ giúp các đối tượng khó khăn trong thị trường lao động.

Thứ 7: Tăng đầu tư phát triển sự nghiệp giáo dục đào tạo

Đảng và nhà nước ta coi giáo dục đào tạo là quốc sách hàng đầu, là chìa khóa để phát triển nền kinh tế Việt Nam. Vì vậy trong những năm qua nhà nước ta đã không ngừng tăng ngân sách hàng năm trong tổng ngân sách nhà nước hoặc cho giáo dục đào tạo.

1989 = 7,41%	1994 = 4,4%
1990 = 7,43%	1995 = 7,8%
1991 = 9,38%	1996 = 8,5%
1992 = 9,5%	1998 = 14,5%
1993 = 9,4%	

Tuy vậy so với yêu cầu của phát triển giáo dục và đào tạo thì phần kinh phí của Việt Nam dành cho đào tạo vẫn ở mức thấp so với các nước trên thế giới và khu vực.

Ở các nước phát triển ngân sách trung bình hàng năm chỉ cho giáo dục đào tạo chiếm từ 19 đến 21% trong tổng ngân sách nhà nước.

Tăng đầu tư cho giáo dục là điều kiện để cải thiện, tình hình giáo dục đang xuống cấp hiện nay cả về trình độ giáo viên, cũng như trang thiết bị nhằm đào tạo một nguồn nhân lực phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể xác, trong sáng về đạo đức, là động lực của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Tóm lại, trong bối cảnh nền kinh tế nước ta hiện nay, lợi ích kinh tế phải đặc biệt được quan tâm. Những năm qua mặc dù nhà nước đã có nhiều chính sách để kết hợp các lợi ích kinh tế, nhằm tạo động lực cho sản xuất XH, song do sự quan tâm, chưa đồng bộ, nhất là quan tâm lợi ích kinh tế thiết thân cho từng thành phần kinh tế, nên đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Những năm tới nhà nước cần có cơ chế thực hiện lợi ích kinh tế linh hoạt hơn, tối ưu hơn thì sẽ tạo tổng lực cho sự nghiệp phát triển kinh tế ■